

Số: /KH-UBND

Tuy Phước, ngày tháng 02 năm 2024

KẾ HOẠCH

Mở rộng địa bàn thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện năm 2024 - 2025

Căn cứ Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022 của UBND tỉnh Bình Định về Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh Bình Định về Ban hành Kế hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 4864/QĐ-UBND ngày 26/06/2023 của UBND huyện Tuy Phước về Ban hành đề án thu gom vận chuyển xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện Tuy Phước giai đoạn 2023- 2025, định hướng đến năm 2030;

UBND huyện Tuy Phước xây dựng Kế hoạch mở rộng địa bàn thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện năm 2024 -2025; cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Mở rộng thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn, phấn đấu đến cuối năm 2024 hộ dân tham gia thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện theo quy định đạt từ 87,89% trở lên (trong đó Đô thị đạt từ 88,93%, Nông thôn đạt từ 87,39%), đến năm 2025 chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý đảm bảo theo quy định đạt 95% (đô thị 95%, nông thôn 95%).

Nâng cao ý thức, trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; chủ động thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải hợp vệ sinh theo đúng quy định.

Chủ động phòng ngừa và xử lý những vấn đề ô nhiễm môi trường, giảm thiểu các tác động tiêu cực do chất thải gây ra, góp phần bảo vệ sức khỏe, đời sống của người dân, gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Thực hiện tốt việc thu gom vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện, hoàn thành tiêu chí về môi trường trong quá trình xây dựng huyện đạt huyện Nông thôn mới nâng cao năm 2025.

2. Yêu cầu:

Các ngành, các cấp chủ động phối hợp với các Tổ chức chính trị - xã hội thường xuyên tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và toàn thể Nhân dân chấp hành đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; tích cực hưởng ứng, tham gia thực hiện Kế hoạch, nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động, góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm cộng đồng về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Thực trạng công tác thu gom, xử lý rác thải

Hiện nay, đã triển khai thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn 12/13 xã, thị trấn bao gồm: Số hộ ký hợp đồng tham gia là 39.192 hộ (hộ dân: 39.061 hộ; cơ quan, đơn vị, chợ: 131 đơn vị). Ban Quản lý Nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện là đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn 12/13 xã, thị trấn, rác thải được vận chuyển về bãi rác Long Mỹ để xử lý, với khối lượng trung bình khoảng 1.987,78 tấn/tháng. Riêng xã Phước Thành, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được Công ty TNHH Xây dựng & Phát triển đô thị Thiên Hương thu gom, vận chuyển về bãi rác Long Mỹ để xử lý, với khối lượng khoảng 111,8 tấn/tháng.

Cụ thể từng đơn vị năm 2023 như sau:

| Số TT | Địa phương | Mức phát sinh rác thải/ngày | Số hộ tham gia năm 2023 (hộ) | Khối lượng rác năm 2023 (tấn/tháng) |
|-------------------|--------------------|-----------------------------|------------------------------|-------------------------------------|
| 1 | Thị trấn Tuy Phước | 0,72 kg/người/ngày | 3.464 | 207,00 |
| 2 | Thị trấn Diêu Trì | 0,72 kg/người/ngày | 2.952 | 151,80 |
| 3 | Xã Phước Lộc | 0,72 kg/người/ngày | 4.704 | 204,05 |
| 4 | Xã Phước Hòa | 0,72 kg/người/ngày | 2.864 | 180,00 |
| 5 | Xã Phước Sơn | 0,6 kg/người/ngày | 6.002 | 240,00 |
| 6 | Xã Phước An | 0,6 kg/người/ngày | 2.142 | 121,80 |
| 7 | Xã Phước Nghĩa | 0,6 kg/người/ngày | 1.299 | 66,00 |
| 8 | Xã Phước Thuận | 0,6 kg/người/ngày | 3.605 | 141,00 |
| 9 | Xã Phước Quang | 0,6 kg/người/ngày | 2.804 | 165,00 |
| 10 | Xã Phước Hưng | 0,6 kg/người/ngày | 2.986 | 165,00 |
| 11 | Xã Phước Hiệp | 0,6 kg/người/ngày | 2.488 | 162,30 |
| 12 | Xã Phước Thắng | 0,6 kg/người/ngày | 1.668 | 72,03 |
| 13 | Xã Phước Thành | 0,6 kg/người/ngày | 2.655 | 111,80 |
| Tổng cộng: | | | 39.192 | 1.987,78 |

2. Kế hoạch mở rộng các tuyến thu gom rác thải

Để nâng cao tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đúng quy định, đạt 87,89 % tổng số hộ tham trên địa bàn huyện trong năm 2024, kể cả xã Phước Thành, UBND huyện tiếp tục chỉ đạo các xã, thị trấn triển khai mở rộng thêm 3.769 hộ tham gia thu gom nâng lên với tổng số hộ tham gia là 42.961 hộ.

Trong năm 2025 để nâng cao tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đúng quy định, đạt 95,09 % tổng số hộ tham trên địa bàn huyện, UBND huyện tiếp tục chỉ đạo các xã, thị trấn triển khai mở rộng thêm 3.520 hộ tham gia thu gom nâng lên với tổng số hộ tham gia là 46.481 hộ trên địa bàn huyện cụ thể như:

| STT | Đơn vị | Tổng số hộ | Dự kiến thực hiện mở rộng số hộ tham gia năm 2024 | Đạt tỷ lệ năm 2024 (%) | Dự kiến thực hiện mở rộng số hộ tham gia năm 2025 | Đạt tỷ lệ năm 2025 (%) | Ghi chú |
|-------------------|--------------------|---------------|---|------------------------|---|------------------------|---------|
| 01 | Thị trấn Tuy Phước | 3.935 | 3.543 | 90,04 | 3.693 | 93,85 | |
| 02 | Thị trấn Diêu Trì | 3.261 | 3.001 | 92,03 | 3.251 | 99,69 | |
| 03 | Xã Phước Lộc | 4.704 | 4.281 | 91,00 | 4.383 | 93,18 | |
| 04 | Xã Phước Hòa | 4.098 | 3.402 | 83,00 | 3.902 | 95,22 | |
| 05 | Xã Phước Sơn | 6.252 | 6.020 | 96,29 | 6.170 | 98,69 | |
| 06 | Xã Phước An | 5.199 | 3.640 | 70,00 | 4.640 | 89,25 | |
| 07 | Xã Phước Nghĩa | 1.321 | 1.299 | 98,33 | 1.299 | 98,33 | |
| 08 | Xã Phước Thuận | 4.132 | 3.640 | 88,19 | 3.844 | 93,03 | |
| 09 | Xã Phước Quang | 3.167 | 2.901 | 91,60 | 2.951 | 93,18 | |
| 10 | Xã Phước Hưng | 3.254 | 3.068 | 94,28 | 3.218 | 98,89 | |
| 11 | Xã Phước Hiệp | 4.334 | 3.782 | 87,26 | 4.282 | 98,80 | |
| 12 | Xã Phước Thắng | 2.181 | 1.700 | 77,95 | 1.915 | 87,80 | |
| 13 | Xã Phước Thành | 3.041 | 2.680 | 88,13 | 2.933 | 96,45 | |
| Tổng cộng: | | 48.879 | 42.961 | 87,89 | 46.481 | 95,09 | |

- Địa bàn cần mở rộng và lộ trình năm 2024 cụ thể như sau:

| STT | Đơn vị | Địa bàn cần mở rộng | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|-----|--------------------|--|---------------------|---------|
| 01 | Thị trấn Tuy Phước | Vận động các hộ dân còn lại | Quý 2/Năm 2024 | |
| 02 | Thị trấn Diêu Trì | Thôn Luật Lễ | Quý 2/Năm 2024 | |
| 03 | Xã Phước Lộc | Vận động các hộ dân còn lại | Quý 1/Năm 2024 | |
| 04 | Xã Phước Hòa | Huỳnh Giản Bắc và Huỳnh Giản Nam | Quý 1/Năm 2024 | |
| 05 | Xã Phước Sơn | Xóm Cồn Chim, Vinh Quang 2 và các hộ dân còn lại | Quý 3/Năm 2024 | |
| 06 | Xã Phước An | Thôn An Sơn 1, 2 và thôn Đại Hội | Quý 1/Năm 2024 | |
| 07 | Xã Phước Nghĩa | Vận động các hộ dân còn lại | Quý 2/Năm 2024 | |
| 08 | Xã Phước Thuận | Thôn Diêm Vân | Quý 2/Năm 2024 | |
| 09 | Xã Phước Quang | Vận động các hộ dân còn lại | Quý 1/Năm 2024 | |
| 10 | Xã Phước Hưng | Vận động các hộ dân còn lại | Quý 1/Năm 2024 | |

| | | | | |
|----|----------------|--|----------------|--|
| 11 | Xã Phước Hiệp | Vận động các hộ dân còn lại | Quý 1/Năm 2024 | |
| 12 | Xã Phước Thắng | Thôn Lạc Điền, Lương Bình, Thanh Quang | Quý 2/Năm 2024 | |
| 13 | Xã Phước Thành | Vận động các hộ dân còn lại | Quý 2/Năm 2024 | |

- Địa bàn cần mở rộng và Lộ trình năm 2025 cụ thể như sau:

| STT | Đơn vị | Địa bàn cần mở rộng | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|-----|--------------------|-----------------------------|---------------------|---------|
| 01 | Thị trấn Tuy Phước | Vận động các hộ dân còn lại | Năm 2025 | |
| 02 | Thị trấn Diêu Trì | Vận động các hộ dân còn lại | Năm 2025 | |
| 03 | Xã Phước Lộc | Vận động các hộ dân còn lại | Năm 2025 | |
| 04 | Xã Phước Hòa | Vận động các hộ dân còn lại | Năm 2025 | |
| 05 | Xã Phước Sơn | Vận động các hộ dân còn lại | Năm 2024 | |
| 06 | Xã Phước An | Vận động các hộ dân còn lại | Năm 2025 | |
| 07 | Xã Phước Nghĩa | Vận động các hộ dân còn lại | Năm 2025 | |
| 08 | Xã Phước Thuận | Vận động các hộ dân còn lại | Năm 2025 | |
| 09 | Xã Phước Quang | Vận động các hộ dân còn lại | Năm 2025 | |
| 10 | Xã Phước Hưng | Vận động các hộ dân còn lại | Năm 2025 | |
| 11 | Xã Phước Hiệp | Vận động các hộ dân còn lại | Năm 2025 | |
| 12 | Xã Phước Thắng | Vận động các hộ dân còn lại | Năm 2025 | |
| 13 | Xã Phước Thành | Vận động các hộ dân còn lại | Năm 2025 | |

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đối với việc mở rộng tuyến thu gom rác

Tuyên truyền, vận động người dân tích cực tham gia ký kết hợp đồng thu gom rác thải với đơn vị có chức năng, đảm bảo chỉ tiêu, đăng ký tham gia dịch vụ thu gom, xử lý rác thải đúng quy định.

Hướng dẫn người dân trang bị thùng chứa rác, túi đựng rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, tạo vẻ mỹ quan, tạo thuận lợi cho đơn vị thu gom rác và nộp đầy đủ phí vệ sinh môi trường cho đơn vị thu gom rác theo hợp đồng.

Khuyến khích, vận động xã hội hoá trong thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và thu phí theo đơn giá quy định của Nhà nước; khuyến khích việc thu phí rác thải kết hợp với thu phí dịch vụ điện, nước,... Huy động sự tham gia đóng góp, hỗ trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong công tác thu gom và xử lý rác thải.

Đầu tư phương tiện, thiết bị phục vụ việc mở rộng tuyến thu gom rác thải, khuyến khích thu gom rác thải trực tiếp tại các hộ dân, hạn chế tối đa việc hình thành các điểm tập kết rác thải gây ảnh hưởng đến môi trường.

Nhân rộng các mô hình hay, hiệu quả trong thu gom rác thải sinh hoạt; thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời xử lý nghiêm các hành vi xả thải không đúng nơi quy định và các trường hợp vi phạm trong việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ.

2. Tăng tần suất, địa bàn và tỷ lệ thu gom CTR sinh hoạt

UBND các xã, thị trấn căn cứ tỷ lệ thu gom tối thiểu được giao, tăng dần tỷ lệ thu gom, mở rộng địa bàn thu gom, cách tổ chức triển khai thực hiện, bổ sung phương tiện, trang thiết bị và nhân lực thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, đồng thời cách thức thu giá dịch vụ thu gom rác từ hộ gia đình, cá nhân,...nhằm duy trì, đáp ứng các tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2023 - 2025.

Thực hiện tăng tần suất thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt đô thị đạt 07 lần/tuần và nông thôn đạt 04 lần/tuần trong quý 1 năm 2024.

UBND cấp xã có kế hoạch cụ thể về trang bị các phương tiện cần thiết để mở rộng địa bàn và tăng tần suất thu gom CTR sinh hoạt.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN: Từ nguồn sự nghiệp môi trường năm 2024 -2025 và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường:

Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện mở rộng các tuyến thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã, thị trấn theo lộ trình Kế hoạch; kịp thời tổng hợp tham mưu, đề xuất những vấn đề phát sinh.

Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân huyện hỗ trợ cho địa phương các phương tiện, thiết bị phục vụ việc mở rộng tuyến thu gom rác.

Xây dựng bộ tài liệu mẫu tuyên truyền về phân loại rác thải tại nguồn, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và các đơn vị liên quan tuyên truyền, hướng dẫn phân loại, thu gom, xử lý rác thải và nhân rộng các mô hình thu gom, xử lý rác thải hiệu quả.

2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng:

Phối hợp theo dõi, kiểm tra công tác vệ sinh môi trường tại các tuyến đường và các Chợ trên địa bàn huyện; đề xuất mở rộng thêm tuyến đường mới hoặc giảm các tuyến đường không còn phù hợp.

Chủ trì, phối hợp hướng dẫn xây dựng quy hoạch hạ tầng phục vụ việc thu gom, vận chuyển chất thải đối với hạ tầng giao thông trên địa bàn huyện; Thường xuyên kiểm tra chất lượng các tuyến đường, hệ thống cầu, cống và lắp đặt biển báo tải trọng tại địa các địa phương trên địa bàn huyện.

3. Phòng Tài chính - Kế Hoạch:

Phối hợp với đơn vị liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện bố trí nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch; thẩm định, trình dự toán những đề xuất hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện thu gom rác, hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển

và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

4. Phòng Văn hoá và Thông tin:

Thường xuyên đưa tin, bài tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh huyện, xã, thị trấn các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân, hướng dẫn mẫu biểu lắp đặt Pano tuyên truyền về các chủ đề thu gom rác thải sinh hoạt đảm bảo phù hợp theo quy định.

5. BQL nước sạch & VSMT huyện:

Phối hợp với các địa phương mở rộng công tác ký hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt và thu phí vệ sinh môi trường theo quy định.

Kiểm tra, giám sát, quán triệt đội, tổ thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt về công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt, đảm bảo công tác thu gom không rơi vãi, không bỏ sót điểm, thu gom triệt để triệt để không để ứ đọng rác thải tại hộ dân.

Phối hợp với các địa phương thông báo thời gian, địa điểm các hộ dân tập kết rác và khảo sát các tuyến đường dự kiến mở rộng thu gom.

Xây dựng Kế hoạch, lịch thu gom, thời gian thu gom cụ thể của từng xã, thị trấn, các cơ quan và thông báo đến UBND các xã, thị trấn bằng văn bản, mọi kênh thông tin và ủy nhiệm thu thông báo đến hộ dân biết để tập trung rác đúng thời gian, vị trí theo quy định. BQLNS & VSMT huyện duy trì thực hiện nghiêm túc lịch và thời gian thu gom của từng đơn vị, từng tuyến đường các xã, thị trấn, hộ dân.

Xây dựng Kế hoạch và đề xuất mua thêm xe chuyên dùng thu gom rác thải trong năm 2024-2025 (theo Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 28/03/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030).

Định kỳ hàng tháng báo cáo hoạt động mở rộng địa bàn thu gom, vận chuyển, đề xuất kiến nghị giải pháp xử lý các vướng mắc về Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và UBND huyện để có hướng chỉ đạo kịp thời.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các Tổ chức chính trị - xã hội huyện:

Tích cực phối hợp với các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và toàn thể Nhân dân nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường, tham gia ký hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt đầy đủ; phối hợp triển khai, nhân rộng các mô hình về phân loại rác thải tại nguồn, mô hình xử lý rác hợp vệ sinh trên địa bàn, phát huy hiệu quả hoạt động của các Tổ, xóm tự quản, câu lạc bộ bảo vệ môi trường, góp phần hoàn thành nội

dung Kế hoạch.

7. Ủy ban nhân dân xã, thị trấn:

Chủ trì, phối hợp với đơn vị thu gom đến từng hộ gia đình vận động ký kết hợp đồng thu gom và thu phí vệ sinh môi trường đối với các hộ dân chưa tham gia ký kết hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt.

Xây dựng Kế hoạch mở rộng thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn quản lý, xác định lộ trình, thời gian cụ thể, đảm bảo đạt mục tiêu Kế hoạch này.

Khảo sát, triển khai họp dân mở rộng tuyển thu gom rác; thực hiện việc phân loại rác thải tại nguồn trên địa bàn.

Chủ trì, phối hợp với đơn vị thu gom rác thải xác định thời gian, địa điểm, tần suất thu gom trên các tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn giao thông.

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý; tuyên truyền, vận động toàn thể Nhân dân chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và thanh toán phí vệ sinh môi trường theo quy định; Chỉ đạo cán bộ chuyên môn, lực lượng công an tổ chức tuần tra, giám sát, phát hiện và xử lý các trường hợp vứt, xả rác không đúng nơi quy định kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vứt bỏ chất thải không đúng nơi quy định.

Trang bị phương tiện, thiết bị phù hợp để mở rộng tuyển thu gom rác, phân loại rác thải trên địa bàn, trường hợp vượt thẩm quyền kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân huyện (thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện) xem xét, cho ý kiến thực hiện.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện về kết quả triển khai mở rộng tuyển thu gom rác trên địa bàn quản lý và kết quả thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

Chủ trì, phối hợp với đơn vị thu gom đến từng hộ gia đình vận động ký kết hợp đồng thu gom và thu phí vệ sinh môi trường đối với các hộ dân chưa tham gia ký kết hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt.

8. Chế độ thông tin, báo cáo:

Đề nghị các đơn vị, địa phương định kỳ báo cáo kết quả thực hiện gửi về Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, BQL Nước sạch & VSMT huyện **trước ngày 25 hàng tháng** để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời

phản ánh về Phòng Tài nguyên và Môi trường, BQL Nước sạch & VSMT huyện để được hướng dẫn, hỗ trợ./.

Nơi nhận:

- Sở TN&MT; (b/c)
- TT/HU, TT/HĐND huyện; (b/c)
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN và Đoàn thể huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVVP
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Nam